TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2019
"Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Trần Thị Lê Na

2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 859/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc: " Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm 1973.
Hộ khẩu thường trú: 230 đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Nơi cư trú: 11/2 đường N, phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Có mặt.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiện , sinh năm 1966.
Địa chỉ: 230 đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 7 tháng 9 năm 2017, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 27/4/1992. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T hay ghen thường xuyên đánh đập bà. Bà đã chịu đựng nhiều vì con, nhưng ông T quá đáng, bà không thể chịu đựng thêm nữa, bà đã vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống để tránh bị ông T bạo hành. Hiện bà không còn tình cảm với ông T nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Bà và ông T có bảy con chung là: Nguyễn Vũ Minh G - sinh năm 1993, Nguyễn Vũ Khánh H - sinh năm 1994, Nguyễn Võ Quế A - sinh năm 1999, Nguyễn Vũ Ngọc A - sinh năm 2003, Nguyễn Vũ Thanh X - sinh năm 2004, Nguyễn Vũ Nhất M - sinh năm 2007, Nguyễn Vũ Thanh H - sinh năm 2009. Hiện các cháu G, H, Quế A đã trưởng thành và có khả năng lao động. Còn các cháu Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M, Nguyễn Vũ Thanh H đang ở với ông T để đi học. Ly hôn bà có nguyện vọng giao cả 4 con cho ông T nuôi dưỡng trực tiếp nuôi dưỡng vì bà không có điều kiện để nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không đồng ý với mức cấp dưỡng là 3.000.000/ tháng cho mỗi con vì bà ra đi không có tài sản, không nơi ở, phải đi làm thuê thu nhập không ổn định. Bà sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng và thu nhập thực tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông T tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T: Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với ông Nguyễn T nhưng ông T và bà V thay nhau vắng mặt, không tiến hành hòa giải được; ông T không đến Toà án tham gia phiên tòa nhưng có lời khai tại các bản tự khai nội dung như sau: Ông và bà V chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, Quảng Nam. Quá trình chung sống, giữa ông và bà V có mâu thuẫn nhiều, lý do bà V có nhiều quan hệ bất chính, ngoại tình, ông đã nhiều lần bỏ qua nhưng bà V không thay đổi. Hiện bà V đã bỏ đi sống với người khác tại thành phố Hồ Chí Minh, ông không còn yêu thương bà V nhưng không đồng ý ly hôn vì ông không muốn bà V ăn ở và đi với người đàn ông khác.

Về con chung: Ông và bà V có 07 con chung như bà V trình bày, 3 cháu G, H và Quế A đã thành niên và có khả năng lao động, còn lại 4 cháu Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M, Nguyễn Vũ Thanh H đang ở với ông. Ly hôn, ông đồng ý nuôi cả 4 con chưa thành niên và yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại các biên bản xem xét nguyện vọng, các cháu: Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M, Nguyễn Vũ Thanh H đều có ý kiến hiện đang ở với ông T và đều có nguyện vọng ở với ông T khi ba mẹ ly hôn.

Qua xác minh tại Tổ dân phố nơi ông T và bà V cư trú, đại diện Tổ dân phố 13, phường Y, thành phố P cung cấp thông tin: ông T và bà V có mâu thuẫn, xô sát, do bà V quan hệ không lành mạnh. Hiện bà V đã bỏ đi, một mình ông T buôn bán nuôi các con, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T và bà V được ly hôn vì bà V không có trách nhiệm gì với ông T và các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình vụ án.

Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Võ Thị V được ly hôn ông Nguyễn T, giao 4 con chưa thành niên cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con, cấp dưỡng nuôi con: để các đương sự tự giải quyết.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có: Đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2017; Chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Tiện và bà Võ Thị V; Giấy chứng nhận kết hôn 99 ngày 27/4/1992; Giấy khai sinh của các cháu: Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh H, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M; Sổ Hộ khẩu gia đình số 210024848; Bản tự khai của bà Võ Thị V ghi các ngày ngày: 10/01/2019, 21/01/2019, 12/02/2019, 08/5/2019; Bản tự khai của ông Nguyễn T ngày 14/01/2019; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà Võ Thị V ngày 10/01/2019; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 14/01/2019; Biên bản xác minh của Tòa án tại UBND phường Y ngày 12/4/2019; Bản tự khai bổ sung của ông Nguyễn T (không ghi ngày); Bản tự khai của các cháu: Nguyễn Vũ Ngọc A (không ghi ngày), Nguyễn Vũ Thanh H ngày 26/4/2019, Nguyễn Vũ Nhất M (ngày 26/4/2019), Nguyễn Vũ Ngọc A (ngày 26/4/2019), Nguyễn Vũ Thanh X ngày 26/4/2019; Biên bản lấy lời khai bà Võ Thị V ngày 23/5/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/5/2019;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*: Bà Võ Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với ông Nguyễn T, đơn khởi kiện của bà Võ Thị V được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; ông Nguyễn T cư trú tại thành phố P, nên Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt*: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị V và ông Nguyễn T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị V thì thấy, yêu cầu ly hôn của bà V không được ông Tiện đồng ý, nhưng ông thừa nhận cũng không còn yêu thương bà V nữa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục văn bản để bà V và ông T đến Tòa án tham gia hòa giải đoàn tụ nhưng bà V và ông T đều thay nhau vắng mặt chứng tỏ bà V và ông T không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương đã xác nhận: bà V và ông T thường xuyên mâu thuẫn, đánh nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà Võ Thị V và ông Nguyễn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của bà V được ly hôn với ông Nguyễn T là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Bà Võ Thị V và ông Nguyễn T có bảy con chung là: Nguyễn Vũ Minh G - sinh năm 1993, Nguyễn Vũ Khánh H - sinh năm 1994, Nguyễn Võ Quế A - sinh năm 1999, Nguyễn Vũ Ngọc A - sinh năm 2003, Nguyễn Vũ Thanh X - sinh năm 2004, Nguyễn Vũ Nhất M - sinh năm 2007, Nguyễn Vũ Thanh H - sinh năm 2009.

Hiện các cháu G, H, Quế A đã trưởng thành và có khả năng lao động, các cháu Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M, Nguyễn Vũ Thanh H đều chưa thành niên hiện đang với ông T. Ly hôn bà V có nguyện vọng

giao bốn cháu cho ông T trực tiếp nuôi con, vì bà không đủ điều kiện để chăm sóc các con. Yêu cầu này của bà V phù hợp với ý kiến của ông T và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con . Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn T, giao cho ông Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 con chung là các cháu Nguyễn Vũ Ngọc A, Nguyễn Vũ Thanh X, Nguyễn Vũ Nhất M, Nguyễn Vũ Thanh H cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại bản tự khai, ông Nguyễn T yêu cầu bà Võ Thị V cấp dưỡng nuôi con, bà V không đồng ý mức cấp dưỡng như ông T yêu cầu và có ý kiến: Hiện tại tài sản bà để lại hết cho ông T để ông T nuôi con, bà chưa ổn định công việc và không có thu nhập ổn với ông T sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quá trình giải quyết vụ án ông T không đến Tòa án để giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con với bà V và tại phiên tòa bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu ông T có yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị V và ông Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về án phí: Bà Võ Thị Vân phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị V.

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị V được ly hôn ông Nguyễn T.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 04 con chung là các cháu: Nguyễn Vũ Ngọc A - sinh ngày 26/02/2003, Nguyễn Vũ Thanh X - sinh ngày 24/8/2004, Nguyễn Vũ Nhất M - sinh ngày 03/11/2007, Nguyễn Vũ Thanh H - sinh ngày 12/4/2009 cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Bà Võ Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về nợ chung và nghĩa vụ chung: Bà Võ Thị V và ông Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Về án phí:* Bà Võ Thị V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004406 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; Bà V đã nộp đủ.

3. *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, H.;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)
Vũ Thu Hương